

PHỤ LỤC 1
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2026-2030

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp ủy chủ trì
1	Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân/năm (%)	≥ 10,0	Bộ Tài chính
2	GDP bình quân đầu người (USD)	8.500	Bộ Tài chính
3	Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP (%)	28	Bộ Công Thương
4	Giá trị tăng thêm của ngành chế biến, chế tạo bình quân đầu người (USD)	2.400	Bộ Công Thương
5	Tỷ trọng kinh tế số trong GDP (%)	30	Bộ Khoa học và Công nghệ
6	Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng (%)	> 55	Bộ Khoa học và Công nghệ
7	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	8,5	Bộ Tài chính
8	Tổng tích lũy tài sản so với GDP (%)	35 - 36	Bộ Tài chính
9	Tiêu dùng cuối cùng so với GDP (%)	61 - 62	Bộ Tài chính
10	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân/GDP (%)	40	Bộ Tài chính
11	Vốn đầu tư công so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội (%)	20 - 22	Bộ Tài chính
12	Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước so với GDP (%)	18	Bộ Tài chính
13	Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước so với GDP (%)	5	Bộ Tài chính
14	Giảm tiêu hao năng lượng tính trên GDP/năm (%)	1 - 1,5	Bộ Công Thương
15	Tỷ lệ đô thị hóa (%)	> 50	Bộ Xây dựng
16	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (tuổi)	75,5	Bộ Y tế
17	Thời gian sống khỏe (năm)	68	Bộ Y tế
18	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội (%)	< 20	Bộ Tài chính
19	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (%)	35 - 40	Bộ Giáo dục và Đào tạo
20	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) (%)	Giảm 1 - 1,5 điểm%/năm	Bộ Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Mục tiêu 2026-2030	Cấp ủy chủ trì
21	Số bác sĩ/vận dân (người)	19	Bộ Y tế
22	Tỷ lệ người dân được hưởng chính sách khám sức khỏe hằng năm	100%	Bộ Y tế
23	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	Đạt bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân	Bộ Y tế
24	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8	Bộ Tài chính
25	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường (%)	100	Bộ Tài chính
26	Tỷ lệ xử lý và tái sử dụng nước thải ra môi trường lưu vực các sông (%)	65 - 70	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
27	Tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	98 - 100	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
28	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	8 - 9	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
29	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển trong diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia (%)	6	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
30	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	42	Bộ Nông nghiệp và Môi trường